| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HOÀI NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 242/2024/DS-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Huỳnh Long Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Á

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 579/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 802/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn:* Bà Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

*3. Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

+ Chị Võ Thị Quỳnh N1, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt).

Địa chỉ: A H, khu phố C, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

+ Ông Đỗ Phú T1, sinh năm 1971 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày*:

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020 bà Ngô Thị Tuyết N có mượn của bà T 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) về để mua nhà ở và bà N có viết giấy mượn tiền để làm bằng chứng. Kể từ ngày bà N viết giấy mượn tiền ngày 11/11/2020 bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng mãi đến năm 2022 bà N mới trả được 3 lần tiền bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 150.000.000 đồng; sau đó bà T có lên nhà gặp bà N và bà N có trả trực tiếp bằng tiền mặt 150.000.000 đồng và 40.000.000 đồng nhận từ con gái bà là chị Nguyễn Thị Hồng M. Tổng cộng đã trả được 340.000.000 đồng; còn lại 260.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà T số tiền mượn hiện còn nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà T không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra bà T trình bày: Sau ngày 11/11/2020 bà N vay của bà 600.000.000 đồng thì bà N còn nhiều lần vay tiền của bà để đáo hạn ngân hàng, sau ngày vay tiền 02 ngày, bà N trả tiền cho bà và bà đã trả lại giấy vay tiền cho bà N, hiện bà không còn giữ bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến những khoản vay này.

- *Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết N trình bày:* Bà N thống nhất vào 11/11/2020 bà N có viết giấy mượn tiền của bà T số tiền 600.000.000 đồng, thời gian qua bà N đã trả dần cho bà T và đã trả hết số tiền đã mượn trên cụ thể như sau:

+ Ngày 30/11/2020 bà N trả số tiền 57.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản với nội dung N chuyển khoản trả cho bà T;

+ Ngày 18/3/2021 bà N trả số tiền 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Nguyễn Thị Hồng M là con gái của bà T với nội dung N chuyển khoản cho cô T;

+ Ngày 09/4/2021 bà N trả số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Nguyễn Thị Hồng M là con gái của bà T với

nội dung N chuyển trả tiền cho cô T;

Ngoài ra trong năm 2021 bà N có đưa cho Nguyễn Thị Hồng M 40.000.000 đồng về để đưa cho bà T trả bớt số tiền mượn 600.000.000 đồng còn nợ và cũng trong năm bà N có đưa bằng tiền mặt cho bà T 3.000.000 đồng.

+ Ngày 23/11/2022 bà N trả số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển qua tài khoản của bà T;

+ Ngày 01/11/2022 bà N trả số tiền 40.000.000 đồng bằng hình thức chuyển qua tài khoản của bà T;

+ Ngày 30/10/2022 bà N trả số tiền 60.000.000 đồng bằng hình thức chuyển qua tài khoản của bà T;

Trong năm 2023 bà N có trả bằng tiền mặt cho bà T tổng cộng 150.000.000 đồng.

Như vậy kể từ khi mượn tiền đến nay bà N đã trả nợ dần cho bà T và đã trả xong hết số tiền đã mượn. Việc bà N không thu hồi giấy mượn tiền gốc là vì bà N không có tiền để trả nợ một lần mà phải trả dần nên không thể thu hồi được giấy nợ gốc.

Nay bà T yêu cầu bà N phải trả số tiền mượn hiện còn nợ 200.000.000 đồng, bà N không đồng ý; bà N chỉ chấp nhận hiện còn nợ 3.000.000 đồng là số tiền bà đưa cho bà T để trả nợ dần cho số tiền 600.000.000 đồng nhưng không được bà T thừa nhận; còn lại 597.000.000 đồng bà đã trả xong.

Bà N trình bày sau khi vay 600.000.000 đồng ngày 11/11/2020 của bà T vì làm ăn thua lỗ nên bà T cho bà trả nợ dần khoản nợ 600.000.000 đồng và bà T không cho bà vay khoản tiền nào khác.

- *Người làm chứng trình bày:*

+ Bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Vào ngày 18/3/2021 và ngày 09/4/2021 bà M có nhận vào tài khoản số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng từ tài khoản của bà Ngô Thị Tuyết N. Số tiền này bà M đã giao lại cho bà T theo yêu cầu của chị N, còn tiền này là tiền gì thì bà M không biết vì việc làm ăn giữa bà T với bà N như thế nào bà không liên quan.

Ngoài ra, trong năm 2021 bà M có cho bà N hốt hụi số tiền 40.000.000 đồng và tiền này bà đã đưa lại cho bà T để trả tiền lãi cho số tiền mượn 600.000.000 đồng; không phải là tiền trả nợ dần cho số tiền mượn 600.000.000 đồng theo trình bày của bà N.

+ Bà Võ Thị Quỳnh N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố

tụng bà Võ Thị Quỳnh N1 trình bày như sau: Vào tháng 8/2022 do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên bà Võ Thị Quỳnh N1 có gặp bà Ngô Thị Tuyết N để vay tiền. Tuy nhiên, bà Ngô Thị Tuyết N không có tiền nên đã giới thiệu bà Nguyễn Thị Hồng T ở khu phố D, phường T là người có tiền và có khả năng cho bà Quỳnh N1 vay số tiền lớn là 350.000.000 đồng. Sau đó, bà Ngô Thị Tuyết N đã hẹn bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Quỳnh N1 đến quán cà phê 67 của bà N1 để thực hiện việc vay tiền. Bà Võ Thị Quỳnh N1 là người trực tiếp vay tiền của bà T và ký giấy vay tiền cho bà T. Bà N1 vay tiền của bà T trong thời gian chỉ 02 ngày, sau đó bà N1 đã trả tiền cho bà T cũng tại quán cà phê 67 và trả bằng tiền mặt. Việc vay tiền giữa bà Quỳnh N1 với bà T đã thực hiện xong, bà N1 trả tiền cho bà T và bà T trả lại giấy vay tiền gốc cho bà Võ Thị Quỳnh N1. Bà Ngô Thị Tuyết N hoàn toàn không liên quan quan gì đến việc vay tiền giữa bà Võ Thị Quỳnh N1 với bà T, bà Tuyết N không ký tên vào giấy vay tiền của bà T.

+ Ông Đỗ Phú T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng ông T1 trình bày như sau: Thông qua người quen, ông T1 được biết bà Ngô Thị Tuyết N có làm dịch vụ cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên vào năm 2021 do cần vốn để đáo hạn ngân hàng, ông T1 đã hỏi bà N để vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông T1 có viết giấy vay tiền của bà N tại quán cà phê 67 của bà N, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Hồng T. Sau đó khoảng 2 đến 3 ngày ông T1 đáo hạn ngân hàng được thì đã trả lại tiền cho bà N và cũng trả tiền tại quán cà phê 67 đồng thời bà N trả lại giấy vay tiền gốc cho ông T1. Hiện nay giấy vay tiền gốc không còn vì giao dịch vay tiền giữa ông với bà N đã thực hiện xong, tiền ông cũng đã trả xong nên ông T1 đã xé bỏ giấy vay này tại thời điểm trả nợ. Năm 2022 ông T1 cũng có vay của bà Ngô Thị Tuyết N 100.000.000 đồng về để đáo hạn ngân hàng. Ông T1 cũng viết giấy vay tiền bà N tại quán cà phê 67 và sau đó vài ngày ông cũng đã trả xong số tiền vay 100.000.000 đồng cho bà N. Bà N nhận bằng tiền mặt và đã trả lại giấy vay tiền gốc cho ông T1. Hiện giấy vay tiền gốc này không còn vì ông T1 đã xé bỏ giấy vay này tại thời điểm trả xong tiền cho bà N. Ông T1 khẳng định ông chỉ vay tiền của bà Ngô Thị Tuyết N, bà N là người giao tiền trực tiếp cho ông T1 và ông T1 trả tiền trực tiếp cho bà N. Ông không vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng T ở khu phố D, phường T, thị xã H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị Tuyết N phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 3.000.000 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T người cao tuổi nên được miễn án phí; Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Hồng T với bà Ngô Thị Tuyết N do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng bà Võ Thị Quỳnh N1 và ông Đỗ Phú T1 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà N1, ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020 bà Nguyễn Thị Hồng T với bà Ngô Thị Tuyết N có giao kết hợp đồng dân sự, cụ thể bà T cho bà N vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nguyễn Thị Hồng T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Giấy vay tiền ngày 11/11/2020 nội dung của giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, không thỏa thuận lãi suất. Do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Tuyết N thống nhất về thời gian vay, số tiền vay tuy nhiên hiện tại bà chỉ chấp nhận còn nợ 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là của bị đơn. Mặt khác, số tiền 150.000.000 đồng bà Thu nhận qua bà N bằng hình thức chuyển khoản vào các  ngày 23/11/2022; ngày 01/11/2022 và ngày 30/10/2022 và số tiền 150.000.000 đồng bà N trả trực tiếp bằng tiền mặt (không viết giấy) cho bà T đều được bà T thừa nhận. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.2] Đối với số tiền 40.000.000 đồng bị đơn trả bằng tiền mặt cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N cho rằng vào năm 2021 bà N có hốt tiền hụi từ bà M (con bà T) và nhờ bà M đưa lại số tiền này về để trả bớt số tiền của khoản nợ vay 600.000.000 đồng cho bà T. Bà T thừa nhận có nhận số tiền này nhưng là trả tiền lãi cho khoản tiền vay 600.000.000 đồng. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 11/11/2020 không có thỏa thuận lãi suất và không xác định thời hạn nên số tiền 40.000.000 đồng là tiền bà N trả nợ dần cho khoản tiền vay 600.000.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa bà T cũng chấp nhận số tiền tiền này là tiền bà N trả dần cho khoản vay 600.000.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.1.3] Đối với số tiền 257.000.000 đồng bị đơn cho rằng đã trả xong bằng hình thức chuyển khoản có chứng từ sao kê nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Theo chứng từ sao kê ngày 30/11/2020 có nội dung "Nga C trả cô thu" với số tiền 57.000.000 đồng; chứng từ sao kê ghi ngày 18/3/2021 với nội dung "Nga C cho cô thu" số tiền 150.000.000 đồng và chứng từ sao kê ghi ngày

08/4/2021 với nội dung "N chuyển trả tiền cho cô thu" số tiền 50.000.000 đồng; tổng cộng số tiền trả cho bà T là 257.000.000 đồng. Bà T thừa nhận có nhận tiền từ bà N thông qua hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 257.000.000 đồng nhưng bà T cho rằng đây là tiền bà N trả nợ cho những khoản vay khác, không phải là khoản vay của số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà N có vay tiền của bà ngoài khoản vay ngày 11/11/2020 và sự việc này không được bà N thừa nhận.

+ Theo biên bản đối chất ngày 12/3/2024 mặc dù hiện bà T đang giữ giấy vay tiền gốc nhưng bà N cho rằng vì không có tiền để trả một lần nên xin trả nợ dần cho bà T do đó không thu lại được giấy nợ gốc. Mặt khác theo chứng từ sao kê ngày 30/11/2020 là thời điểm bà N bắt đầu trả tiền cho bà T, thời điểm trả tiền này sau ngày vay tiền (ngày 11/11/2020) là phù hợp về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

+ Theo biên bản đối chất ngày 19/6/2024 bà T cho rằng số tiền 257.000.000 đồng bà N trả bằng hình thức chuyển khoản (03 lần chuyển khoản) là số tiền bà N trả cho những khoản vay khác, không phải là khoản vay số tiền 600.000.000 đồng. Theo lời khai của người làm chứng là bà Võ Thị Quỳnh N1 và ông Đỗ Phú T1 và đối chiếu với chứng từ sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng T thì những lần bà N1 chuyển tiền trả nợ dần cho bà T không phù hợp với số tiền mà bà Võ Thị Quỳnh N1 vay của bà T và ông T1 vay của bà Tuyết N. Như vậy, việc bà Ngô Thị Tuyết N trả nợ dần cho bà T thông qua hình thức chuyển khoản là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà N chấp nhận hiện còn nợ và chấp nhận trả nợ cho bà T nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

Như vậy, từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bắt đầu từ ngày 30/10/2020 bà N mới bắt đầu trả nợ tiền vay 600.000.000đồng cho bà T và đến năm 2023 đã trả được tổng cộng là 597.000.000đ (năm trăm chín mươi bảy triệu đồng), hiện còn nợ bà T 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Từ [2.1.1], [2.1.2] và [2.1.3] căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị Tuyết N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

[2.2] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên toà về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là người cao tuổi được miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa chấp nhận; bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị Tuyết N phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Ngô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T thuộc đối tượng được miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa chấp nhận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Long Nhiên**